

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MANG THÍT
TỈNH VĨNH LONG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 09- 9- 2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MANG THÍT- TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vĩnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Trung Hoàn.
2. Ông Nguyễn Thành Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Duy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mang thít, tỉnh Vĩnh Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST- DS ngày 22 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Thị Bích T, sinh 1978. Địa chỉ: Ấp Tân Q (cũ là Tân Q 1), xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Văn U, sinh 1982 và Nguyễn Thị X, sinh 1983. Cùng địa chỉ: Ấp Tân Q (cũ là Tân Q 2), xã Tân An Hội, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Anh U và chị X vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/02/2020, nguyên đơn Phan Thị Bích T trình bày:

Ngày 19/02/2017, anh Nguyễn Văn U và vợ là Nguyễn Thị X nhờ chị Phan Thị Bích T vay dùm 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là

10.000đ/1.000.000đ/ngày, hẹn một hoặc hai tháng sẽ nợ gốc. Khi đó anh U và chị X viết biên nhận và nhận 10.000.000đ.

Ngày 02/3/2017, anh U nhờ chị T cầm sổ dây chuyền của chị T để cho anh U mượn 5.000.000đ, với mức lãi suất là 5%/ngày, hẹn một hoặc hai tháng sẽ chuộc lại dây chuyền. Do chỗ quen biết nên khi nhận 5.000.000đ anh U không làm biên nhận.

Sau khi vay mượn tiền, anh U và chị X không đóng lãi, không trả vốn. Do vậy, chị T phải xuất tiền chuộc dây chuyền và trả nợ vay thay cho anh U và chị X. Chị T khởi kiện yêu cầu anh U và chị X trả nợ gốc là 15.000.000đ. Đồng thời, chị T yêu cầu anh U và chị X phải trả lãi của 10.000.000đ từ ngày 19/7/2017 đến ngày khởi kiện 19/02/2020 là 36 tháng với mức lãi 0,84%/tháng, thành tiền là 3.024.000đ; lãi của 5.000.000đ từ ngày 02/3/2017 đến ngày khởi kiện 19/02/2020 là 35,17 tháng, với mức lãi 0,84%/tháng, thành tiền là 1.477.140đ. Ngoài ra chị T còn yêu cầu anh U và chị X tiếp tục chịu lãi của 15.000.000đ từ ngày 20/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi là 0,84%/tháng.

Tòa án đã bàn giao hợp lệ cho anh U và chị X thông báo thụ lý giải quyết vụ án, thông báo về các phiên hòa giải, bằng hình thức niêm yết. Nhưng anh U và chị X không tham dự các phiên hòa giải nên không tiến hành hòa giải vụ án và đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa, chị T yêu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Cụ thể chị T yêu cầu anh U và chị X trả nợ gốc là 15.000.000đ, trả lãi tính đến ngày khởi kiện 19/02/2020 là 4.501.000đ và lãi suất từ ngày khởi kiện 20/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm của 15.000.000đ tính tròn là 6,5tháng, với mức lãi suất là 0,84%/ tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Chị Phan Thị Bích T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị X trả số tiền đã vay. Anh U và chị X có nơi cư trú tại ấp Tân Q, xã Tân An Hội huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long. Tòa án nhân dân huyện Mang Thít xác định tranh chấp hợp đồng vay tài sản, thụ lý giải quyết sơ thẩm là đúng quy định tại khoản khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Anh U và chị X đã được Tòa án triệu hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai, bằng hình thức niêm yết. Niêm yết lần thứ nhất vào ngày 22/7/2020, niêm yết lần thứ hai vào ngày 17/8/2020. Nhưng, anh U và chị X không tham dự các phiên tòa, nên tiến hành xét xử vắng mặt anh U và chị X là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

2.1. Anh U và chị X được Tòa án bàn giao hợp lệ nhiều lần thông báo thụ lý giải quyết vụ án, thông báo về các phiên họp, triệu tập tham dự các phiên tòa. Nhưng, anh U và chị X không tham dự các phiên tòa, không ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của chị T. Điều này chứng minh được việc anh U và chị X thừa nhận lời trình bày và yêu cầu của chị T trong đơn khởi kiện đề ngày 19/02/2020 là đúng sự thật. Yêu cầu của chị T là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận. Buộc anh U và chị X trả chị T 15.000.000đ nợ gốc là đúng pháp luật.

2.2. Chị T yêu cầu anh U và chị X trả lãi của 15.000.000 từ ngày vay mượn đến ngày khởi kiện đến ngày 19/02/2020 với mức lãi 0,84%/tháng bằng số tiền 4.501.000đ là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận.

2.3. Chị T yêu cầu anh U và chị X trả lãi của 15.000.000đ từ ngày 20/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 09/9/2020, tính tròn là 6,5tháng, với mức lãi 0,84%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự nên chấp nhận. Buộc anh U và chị X trả chị T số tiền lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử là $[15.000.000đ \times 6,5 \text{ tháng} \times 0,94\%/tháng] = 819.000đ$ là phù hợp.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc anh U và chị X nộp án phí giá ngạch là đúng pháp luật. Số tiền án phí anh U và chị X phải nộp là $[15.000.000đ + 4.501.000đ + 819.000đ] \times 5\% = 1.016.000đ$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Án dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Bích T:

1. Buộc anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị X liên đới trả chị Phan Thị Bích T nợ gốc là 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) nợ gốc và nợ lãi là 5.320.000đ (năm triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng). Tổng cộng, buộc anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị X liên đới trả chị Phan Thị Bích T 20.320.000đ (hai mươi triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị Phan Thị Bích T cho đến khi anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị X thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng anh U và chị X còn phải chịu lãi cho chị T một khoản lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc anh Nguyễn Văn U và chị Nguyễn Thị X liên đới nộp 1.016.000đ (một triệu không trăm mười sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Phan Thị Bích T 487.000đ (bốn trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mang Thít ngày 21/02/2020, lai số 0007448.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm. Tuyên án có mặt nguyên đơn Phan Thị Bích T, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn Nguyễn Văn U và Nguyễn Thị X vắng mặt, báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Mang Thít;
- CCTHADS huyện Mang Thít;
- CTTĐT.TAND Tối Cao;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Huỳnh Văn Vĩnh

